

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HSPT

Ngày: 18 – 9 - 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Văn Năm**

*Các Thẩm phán:*

Bà **Võ Thị Mỹ Dung**

Bà **Nguyễn Thị Tư**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Quốc Vĩnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2024/HSPT ngày 12/8/2024 đối với bị cáo Lai Văn D. Do có kháng cáo của bị cáo Lai Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Kim L đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2024/HSST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Bị cáo **Lai Văn D**, sinh năm 1986 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: số I, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lai Văn H và bà Trần Thị Kim L; vợ Huỳnh Thị Thanh P, có 01 người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không.

*Nhân thân:*

- Ngày 26/11/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 29/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành xong ngày 11/01/2021.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Trần Thị Kim L, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: Số I, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 26/02/2024, Lai Văn D điều khiển xe mô tô biển số 64C1-152.60 đi từ nhà số I, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đến đại lý về số Vy T trên đường P, Phường I, thành phố V. Khi đi ngang nhà bà Trần Thị Kim H1 địa chỉ số A, đường P, Khóm E, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhìn thấy cửa nhà mở, tại phòng khách trên tủ thờ có một bộ lư bằng đồng, quan sát xung quanh thấy nhà không có người trông coi nên D đậu xe trên vỉa hè trước cửa nhà đi đến vị trí tủ thờ lấy trộm một lư đồng rồi tay trái ôm lư đồng điều khiển xe chạy đến Phường A, thành phố V bán cho một người đàn ông tên T1 với giá 1.000.000 đồng, bị cáo D lấy 350.000 đồng mua ma túy và sử dụng hết, số tiền còn lại bị cáo cất vào túi xách đi về nhà. Khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, bà H1 về nhà phát hiện bị mất tài sản nên mở camera trong nhà để kiểm tra, phát hiện có người vào nhà lấy trộm tài sản nên đến Công an P1, thành phố V để trình báo sự việc. Qua sànlọc đối tượng, cơ quan công an đã mời bị cáo D về làm việc, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, sau đó bị cáo đã đến gặp T1 để mua lại lư đồng với giá 1.400.000 đồng trả lại cho bà H1. Kết luận định giá tài sản số 10/HĐ.ĐGTSTTHS ngày 26/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Lư đồng trị giá 2.400.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo D khai xe mô tô biển số 64CA-021.10 do mẹ ruột là bà Trần Thị Kim L mua, bà L cho bị cáo đứng tên đăng ký và sử dụng làm phương tiện đi lại. Đối với biển số xe 64C1-152.60 là của người đàn ông tên T1 cho D, khoảng 10 giờ ngày 26/02/2024 sau khi sử dụng ma túy bị cáo đã tháo biển số xe 64CA-021.10 ra vào gắn vào biển số 64C1-152.60, đến khoảng 16 giờ cùng ngày bà L điện thoại kêu bị cáo D xuống chợ V1 chở bà L về nhà, do thấy biển số xe không đúng nên bị cáo đã tháo biển số 64C1-152.60 đem cất và thay vào biển số 64CA-021.10 vào để đi đón bà L. Qua xác minh biển số xe 64C1-152.60 là do ông Lê Văn G, địa chỉ Tổ A, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đăng ký vào ngày 30/5/2014, khi làm việc ông G khai làm nghề mua bán xe, do thời gian quá lâu nên không nhớ xe biển số 64C1-152.60 là xe gì và cũng không biết vì sao đứng tên biển số xe này, hiện tại ông G không có yêu cầu gì đối với biển số xe 64C1-152.60. Đối với người đàn ông tên T1 cho bị cáo D biển số xe 64C1-152.60 và mua lư đồng do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ

thể nên Cơ quan Điều tra Công an thành phố V chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ tiến hành điều tra làm rõ và xử lý sau.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2024/HSST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:*

1. Tuyên bố bị cáo Lai Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lai Văn D 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo D được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

2.1. Tịch thu tang vật để sung quỹ nhà nước gồm: Một xe mô tô hiệu honda Wave RSX màu đen, biển số 64CA-021.10, xe đã qua sử dụng, không có kiểm tra bên trong máy, có niêm phong chữ ký của Lê Trung V và Huỳnh Thị Yến N; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 64002009 biển số đăng ký 64CA-021.10, có số khung RLHJA3820GV12748; số máy JA38E0264434 do Công an thành phố V cấp cho chủ xe tên Lai Văn D (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long).

2.2. Tịch thu tang vật để thu tiêu hủy gồm: Một (01) biển số xe 64C1-152.60; một (01) áo sơ mi sọc caro tay dài, màu tím - xanh - trắng - xám, nhãn hiệu Hollister, size XL đã qua sử dụng; một (01) mũ bảo hiểm màu nâu vàng đã qua sử dụng (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Cùng ngày 03/7/2024, bị cáo Lai Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Kim L có đơn kháng cáo với cùng nội dung: không đồng ý với phần xử lý vật chứng mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét trả lại cho bị cáo D 01 xe mô tô hiệu honda Wave RSX màu đen, biển số 64CA-021.10.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử, bị cáo xin hội đồng xét xử trả lại xe mô tô để mẹ bị cáo dùng làm phương tiện đi bán vé số, vì xe này là do mẹ bị cáo bỏ tiền ra mua cho bị cáo đứng tên. Bà L xin được nhận lại xe để làm phương tiện đi lại.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra, nhận thấy xe mô tô biển số 64CA-021.10 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo, bị cáo sử dụng xe

làm phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tang vật để sung quỹ nhà nước gồm: Một xe mô tô hiệu honda Wave RSX màu đen, biển số 64CA-021.10, xe đã qua sử dụng, không có kiểm tra bên trong máy, có niêm phong chữ ký của Lê Trung V và Huỳnh Thị Yến N; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 64002009 biển số đăng ký 64CA-021.10, có số khung RLHJA3820GV12748; số máy JA38E0264434 do Công an thành phố V cấp cho chủ xe tên Lai Văn D (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long).

Lời nói sau cùng của các bị cáo: cho bị cáo xin nhận lại xe mô tô.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Kháng cáo của bị cáo Lai Văn D và bà Trần Thị Kim L đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D và bà L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trên cơ sở từ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: vào khoảng 14 giờ ngày 26/02/2024 Lai Văn D điều khiển xe mô tô biển số 64C1-152.60 (biển số đúng là 64CA-021.10) đi trên đường P, Phường I, thành phố V, khi đi ngang nhà của bà H1 phát hiện cửa nhà mở, quan sát xung quanh thấy không ai trông coi nên bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm một lư đồng trị giá 2.400.000 đồng.

Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lai Văn D phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe có khả năng lao động để tạo ra thu nhập chân chính cho bản thân, giúp ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, với bản tính thích hưởng thụ lười lao động bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bị hại để có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo thể hiện bị cáo xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương

xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của các bị cáo, nhằm giáo dục riêng các bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với xe mô tô biển số 64CA-021.10 là tài sản do bị cáo đứng tên quyền sở hữu, đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Bị cáo đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Việc bị cáo và bà L cho rằng xe mô tô biển số 64CA-021.10 là tài sản của bà L là không có căn cứ. Vì ngoài lời khai của bị cáo và bà L thì không có chứng cứ gì khác chứng minh bà L là chủ sở hữu của xe mô tô. Do đó cấp sơ thẩm khi xét xử đã tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước đối với xe mô tô này là đúng quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo D và bà L là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bà L là có cơ sở.

[5] Về án phí: Bị cáo và bà L phải chịu án phí án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lai Văn D và bà Trần Thị Kim L.** Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2024/HSST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**2. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

2.1. Tịch thu tang vật để sung quỹ nhà nước gồm: Một xe mô tô hiệu honda Wave RSX màu đen, biển số 64CA-021.10, xe đã qua sử dụng, không có kiểm tra bên trong máy, có niêm phong chữ ký của Lê Trung V và Huỳnh Thị Yến N; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 64002009 biển số đăng ký 64CA-021.10, có số khung RLHJA3820GV12748; số máy JA38E0264434 do Công an thành phố V cấp cho chủ xe tên Lai Văn D (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long).

2.2. Tịch thu tang vật để thu tiêu hủy gồm: Một (01) biển số xe 64C1-152.60; một (01) áo sơ mi sọc caro tay dài, màu tím - xanh - trắng - xám, nhãn hiệu Hollister, size XL đã qua sử dụng; một (01) mũ bảo hiểm màu nâu vàng đã qua sử dụng (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long).

**3. Về án phí:** căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lai Văn D và bà Trần Thị Kim L mỗi người phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

**4.** Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TPVL: 04;
- CQTHADS TPVL: 01;
- CQTHAHS TPVL: 01;
- TTG, BC: 02;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND phường Trường An: 01;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

**Lâm Văn Năm**